

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 038 3855 524

Fax: 038 3856 007

MỤC LỤC**Trang**

Báo cáo của Giám đốc	01 - 03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 21

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh trình bày Báo cáo này kèm theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh như sau:

1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh

Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh tiền thân là Nhà máy Nhựa - Bao bì trực thuộc Công ty Hợp tác kinh tế - Quân khu 4 được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2703000092 ngày 03/01/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký thay đổi lần 02 (hai) ngày 14/4/2008.

Trụ sở chính: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2010 là: **29.999.890.000 đồng** (*Hai mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng*).

Cơ cấu vốn điều lệ:

Đối tượng góp vốn:	Số cổ phần	Số tiền (Đồng)	Tỷ lệ (%)
Công ty Hợp tác Kinh tế - Quân khu 4	1.528.773	15.287.730.000	50,96%
Các cổ đông khác	1.471.216	14.712.160.000	49,04%
Tổng	2.999.989	29.999.890.000	100,00%

2. Những hoạt động kinh doanh chính

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 là sản xuất các loại bao bì xi măng, bao bì PP, bao bì PE.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, mua bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; in bao bì;
- Mua bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy krap, máy móc sản xuất bao bì...);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ.

4. Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Thành phần Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phan Trí Nghĩa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Xuân Hải	Phó Chủ tịch
Ông Cao Xuân Vinh	Ủy viên
Bà Phạm Thị Nguyệt	Ủy viên
Bà Trần Thị Hồng Thái	Ủy viên

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Ban Giám đốc Công ty

Ông Nguyễn Xuân Hải

Giám đốc

Ông Cao Xuân Vinh

Phó giám đốc

Bà Trần Thị Hồng Thái

Kế toán trưởng

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang số 05 đến trang 21 kèm theo.

6. Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

7. Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các văn bản pháp lý có liên quan. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách hợp lý để phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán tại Việt Nam. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Giám đốc cam kết đã cung cấp toàn bộ sổ, chứng từ kế toán và các tài liệu liên quan cho các Kiểm toán viên của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học thành phố Hồ Chí Minh (AISC).

Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính, không có bất kỳ sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty mà chưa được thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Giám đốc

Nguyễn Xuân Hải

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010
của Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh

Kính gửi: **GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh (sau đây viết tắt là "Công ty"), được lập ngày 20/01/2011 trình bày từ trang 05 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này, căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho những ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010; được trình bày phù hợp với chế độ, chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ

TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (AISC)

Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 3 năm 2011

Kiểm toán viên

Đào Tiến Đạt

Chứng chỉ KTV số: Đ0078/KTV

Vũ Khắc Chuyển

Chứng chỉ KTV số: 0160/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104.671.898.098	83.619.375.264
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		268.339.552	377.175.863
1. Tiền	111	V.1	268.339.552	377.175.863
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		75.633.717.725	45.141.412.565
1. Phải thu khách hàng	131		67.435.455.220	45.446.444.647
2. Trả trước cho người bán	132		8.457.259.880	44.000.000
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	0	91.748.379
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(258.997.375)	(440.780.461)
IV. Hàng tồn kho	140		25.611.589.958	31.328.301.498
1. Hàng tồn kho	141	V.4	25.611.589.958	31.328.301.498
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.158.250.863	6.772.485.338
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		0	3.249.322.885
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.158.250.863	3.523.162.453
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.450.934.403	21.492.937.534
II. Tài sản cố định	220		24.850.934.403	20.892.937.534
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	20.876.660.798	20.793.455.977
<i>Nguyên giá</i>	222		51.842.646.000	44.896.278.234
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(30.965.985.202)	(24.102.822.257)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	3.974.273.605	99.481.557
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		600.000.000	600.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	600.000.000	600.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		130.122.832.501	105.112.312.798

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 038 3855 524

Fax: 038 3856 007

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		81.617.688.286	67.584.170.742
I. Nợ ngắn hạn	310		76.562.806.454	61.251.739.709
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	38.298.399.377	28.659.591.092
2. Phải trả người bán	312		27.807.866.144	23.672.674.351
3. Người mua trả tiền trước	313		102.000.009	45.829.661
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	2.461.875.358	3.729.131.879
5. Phải trả người lao động	315		2.920.982.144	2.822.362.764
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1.910.081.577	1.725.353.103
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	294.618.793	347.426.677
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.766.983.052	249.370.182
II. Nợ dài hạn	330		5.054.881.832	6.332.431.033
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	3.613.906.868	4.832.440.658
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.440.974.964	1.499.990.375
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		48.505.144.215	37.528.142.056
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	48.505.144.215	37.528.142.056
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		29.999.890.000	18.983.640.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.449.994.545	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		757.545.411	1.519.403.148
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.418.298.110	1.696.609.484
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		12.879.416.149	15.328.489.424
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		130.122.832.501	105.112.312.798

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 đồng	01/01/2010
5. Ngoại tệ các loại				
- USD			594,77	364,12

Thành phố Vinh, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Hồng Thái

Nguyễn Xuân Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	310.153.800.037	272.316.904.650
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	8.000.000	366.678.874
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	310.145.800.037	271.950.225.776
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	268.453.325.309	227.593.963.309
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.692.474.728	44.356.262.467
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	358.069.948	113.262.813
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	8.873.792.316	4.691.519.306
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.929.991.158	2.412.630.209
8. Chi phí bán hàng	24		9.948.420.821	9.721.784.429
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.897.721.224	6.555.866.309
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.330.610.315	23.500.355.236
11. Thu nhập khác	31		81.330.760	63.259.209
12. Chi phí khác	32		170.422.150	195.498.076
13. Lợi nhuận khác	40		(89.091.390)	(132.238.867)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.241.518.925	23.368.116.369
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	4.372.069.941	6.141.262.945
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.869.448.984	17.226.853.424
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.35	6.168,48	9.074,58

Thành phố Vinh, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Hồng Thái

Nguyễn Xuân Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2010 Đồng	Năm 2009 Đồng
I	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	267.281.690.816	236.707.579.350
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(235.208.696.230)	(30.550.099.376)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03	(16.607.176.469)	(13.386.082.748)
4	Tiền chi trả lãi vay	04	(6.743.188.680)	(1.677.750.841)
5	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(5.987.940.550)	(2.603.340.100)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.999.655.615	47.299.525.920
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.022.215.779)	(77.219.687.244)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.287.871.277)	158.570.144.961
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(8.013.303.375)	(1.836.051.015)
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	51.287.026	29.135.414
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.962.016.349)	(1.806.915.601)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	3.047.980.000	0
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	215.171.535.810	3.243.000.000
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(207.181.908.300)	(161.782.999.388)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.898.364.000)	0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	9.139.243.510	(158.539.999.388)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(110.644.116)	(1.776.770.028)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	377.175.863	2.153.945.891
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.807.805	0
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	268.339.552	377.175.863

Thành phố Vinh, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Hồng Thái

Nguyễn Xuân Hải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh tiền thân là Nhà máy Nhựa - Bao bì trực thuộc Công ty Hợp tác kinh tế - Quân khu 4 được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2703000092 ngày 03/01/2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, đăng ký thay đổi lần 02 (hai) ngày 14/4/2008.

Trụ sở chính: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2010 là: **29.999.890.000 đồng** (Hai mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng).

Cơ cấu vốn điều lệ:

Đối tượng góp vốn:	Số cổ phần	Số tiền (Đồng)	Tỷ lệ (%)
Công ty Hợp tác Kinh tế - Quân khu 4	1.528.773	15.287.730.000	50,96%
Các cổ đông khác	1.471.216	14.712.160.000	49,04%
Tổng	2.999.989	29.999.890.000	100,00%

2- Những hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 là sản xuất các loại bao bì xi măng, bao bì PP, bao bì PE.

3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Sản xuất, mua bán bao bì xi măng, bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa; in bao bì;
- Mua bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị sản xuất bao bì các loại (hạt nhựa, giấy krap, máy móc sản xuất bao bì...);
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ.

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1- Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là Đồng Việt Nam.

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty thực hiện công tác kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3- Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền được ghi nhận trong Báo cáo tài chính gồm: Tiền mặt, tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng, đảm bảo đã được kiểm kê, có xác nhận số dư của các ngân hàng tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra Đồng Việt Nam: Các nghiệp vụ phát sinh không phải là Đồng Việt Nam (ngoại tệ) được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Số dư tiền và các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm được chuyển đổi thành Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác được phản ánh trong Báo cáo tài chính của Công ty theo nguyên tắc giá gốc

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 16 - *Chi phí đi vay*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có số chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc tăng giảm vốn điều lệ và phân phối lợi nhuận được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Tuân thủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

Doanh thu hoạt động tài chính: Tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

Công ty thực hiện xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong kỳ là chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của các khoản vay dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty thực hiện xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 25%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

15- Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Công ty thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1- Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Tiền mặt tại quỹ	161.149.664	9.477.439
Tiền gửi ngân hàng (*)	107.189.888	367.698.424
Cộng	268.339.552	377.175.863

(*) Chi tiết tiền gửi ngân hàng

	31/12/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Tiền VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Vinh	89.457.606	118.030.193
Tiền USD tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Vinh	11.260.185	6.532.677
<i>tương đương với giá trị nguyên tệ USD</i>	<i>594,77</i>	<i>364,12</i>
Tiền VND tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An	6.472.097	243.135.554
Cộng	107.189.888	367.698.424

3- Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Phải thu về tiền trợ cấp BHXH	0	83.502.932
Phí mở LC	0	8.245.447
Cộng	0	91.748.379

4- Hàng tồn kho

	31/12/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Nguyên liệu, vật liệu	14.938.891.572	23.087.048.849
Công cụ, dụng cụ	678.049.836	302.385.114
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.618.793.756	6.688.346.557
Thành phẩm	2.375.854.794	1.250.520.978
Cộng giá gốc hàng tồn kho	25.611.589.958	31.328.301.498

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: Đồng

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	4.724.291.099	38.081.044.409	1.704.536.635	386.406.091	44.896.278.234
Tăng do mua sắm	0	7.623.998.262	0	184.110.416	7.808.108.678
Tăng do XDCB hoàn thành	22.763.310	0	0	0	22.763.310
Thanh lý, nhượng bán	0	(478.008.242)	0	(28.718.182)	(506.726.424)
Giảm khác	0	(295.984.762)	0	(81.793.036)	(377.777.798)
Tại ngày 31/12/2010	4.747.054.409	44.931.049.667	1.704.536.635	460.005.289	51.842.646.000
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	2.276.722.881	21.051.336.004	565.904.492	208.858.880	24.102.822.257
Khấu hao TSCĐ	399.625.216	6.995.986.404	250.426.118	101.629.429	7.747.667.167

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
 Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính
 kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Thanh lý, nhượng bán	0	(478.008.242)	0	(28.718.182)	(506.726.424)
Giảm khác	0	(295.984.762)	0	(81.793.036)	(377.777.798)
Tại ngày 31/12/2010	2.676.348.097	27.273.329.404	816.330.610	199.977.091	30.965.985.202
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	2.447.568.218	17.029.708.405	1.138.632.143	177.547.211	20.793.455.977
Tại ngày 31/12/2010	2.070.706.312	17.657.720.263	888.206.025	260.028.198	20.876.660.798

- Giá trị còn lại tại 31/12/2010 của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố các khoản vay: **4.391.844.838 đồng**;
- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao tại ngày 31/12/2010 nhưng vẫn còn sử dụng: **13.041.240.453 đồng**;
- Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31/12/2010 chờ thanh lý: **0 đồng**.

11- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Mua sắm TSCĐ	0	61.601.557
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.974.273.605	37.880.000
+ Dự án Nhà máy sản xuất bao bì Nghi Xuân tạ Khu công nghiệp Nam Cẩm	3.974.273.605	37.880.000
Cộng	3.974.273.605	99.481.557

13- Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số cổ phiếu	Giá trị (Đồng)	Số cổ phiếu	Giá trị (Đồng)
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xi măng Hợp Sơn	60.000	600.000.000	60.000	600.000.000
Cộng	60.000	600.000.000	60.000	600.000.000

(*): Công ty Cổ phần Xi măng Hợp Sơn hiện đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào sản xuất kinh doanh.

15- Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 USD	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 USD	01/01/2010 Đồng
Vay ngắn hạn ngân hàng	354.000,00	29.339.444.045	104.049,00	22.677.815.792
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Vinh	354.000,00	28.706.440.915	104.049,00	20.928.614.130
		22.004.512.915		19.061.558.874
	354.000,00	6.701.928.000	104.049,00	1.867.055.256
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nghệ An		633.003.130		1.749.201.662
Vay ngắn hạn cá nhân (*)		7.400.000.000		4.767.245.000
Vay dài hạn đến hạn trả (**)	37.700,00	1.558.955.332	28.300,00	1.214.530.300
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Vinh	26.900,00	509.289.732	28.300,00	507.730.300
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nghệ An	10.800,00	1.049.665.600		706.800.000
		845.200.000		706.800.000
	10.800,00	204.465.600	0,00	0
Cộng	391.700,00	38.298.399.377	132.349,00	28.659.591.092

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 038 3855 524

Fax: 038 3856 007

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

(*): Trong năm tài chính 2010, Công ty vay ngắn hạn của các cá nhân với lãi suất theo lãi suất công bố của Ngân hàng.

Chi tiết tiền vay các cá nhân như sau:

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	Đồng
+ Nguyễn Thị Kim Liên	3.500.000.000	1.000.000.000
+ Nguyễn Ngọc Hải	2.500.000.000	1.300.000.000
+ Trần Thị Châu	1.000.000.000	950.000.000
+ Nguyễn Thị Thu Huyền	200.000.000	0
+ Trần Thị Quế Lâm	200.000.000	0
+ Phạm Thị Nguyệt	0	470.000.000
+ Lê Văn Khang	0	200.000.000
+ Văn Thị Lan	0	347.245.000
+ Lê Thị Lương	0	500.000.000
Cộng	7.400.000.000	4.767.245.000

(**): Xem chi tiết Vay dài hạn đến hạn trả tại Thuyết minh số V.20.2.

16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Thuế giá trị gia tăng	328.087.393	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.113.261.270	3.729.131.879
Thuế thu nhập cá nhân	20.526.695	0
Cộng	2.461.875.358	3.729.131.879

17- Chi phí phải trả

	31/12/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Tiền lương phép phải trả	456.173.096	547.634.202
Chi phí lãi vay phải trả	178.023.069	58.701.227
Trích trước tiền điện sản xuất	605.376.812	532.688.713
Trích trước tiền vận chuyển	670.508.600	586.328.961
Cộng	1.910.081.577	1.725.353.103

18- Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Kinh phí công đoàn	189.028.842	282.809.119
Bảo hiểm xã hội	63.628.476	50.372.533
Phải trả, phải nộp khác	41.961.475	14.245.025
Cộng	294.618.793	347.426.677

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20- Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010 USD	31/12/2010 VND	01/01/2010 USD	01/01/2010 Đồng
Vay dài hạn	99.900,00	3.613.906.868	151.340,04	4.832.440.658
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vinh	73.100,00	1.383.910.268	151.340,04	2.715.191.658
	73.100,00	1.383.910.268	151.340,04	2.715.191.658
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Nghệ An	26.800,00	2.229.996.600	0,00	2.117.249.000
		1.722.619.000		2.117.249.000
	26.800,00	507.377.600	0,00	0
Cộng	99.900,00	3.613.906.868	151.340,04	4.832.440.658

20.1 Các hợp đồng vay phát sinh và còn dư đến 31/12/2010**Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vinh**

- Hợp đồng tín dụng số 523/09/NHNT ngày 08/4/2009 để đầu tư máy tráng màng bao xi măng, tổng số tiền vay là 115.000,00 USD, thời hạn vay 60 tháng với lãi suất vay 4%/năm.
- Hợp đồng tín dụng số 658/09/NHNT ngày 29/4/2009 để đầu tư máy in bao bì PP, tổng số tiền vay là 24.700,00 USD, thời hạn vay 60 tháng với lãi suất vay 4%/năm.

Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Vinh

- Hợp đồng tín dụng số 109.09.NAN/TDH.48/367001.02 ngày 15/6/2009 để đầu tư mua máy tạo ống 15MP, tổng số tiền vay là 230.000,00 USD, đồng tiền giải ngân là đồng Việt Nam, thời hạn vay 48 tháng với lãi suất vay 4%/năm trong thời gian 24 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ. Phụ lục ngày 15/4/2010 kèm theo Hợp đồng tín dụng số 109.09.NAN/TDH.48/367001.02 ngày 15/6/2009 được sửa đổi với lãi suất tối thiểu 8,3%/năm, đồng tiền giải ngân là USD.

20.2 Kỳ hạn thanh toán các khoản vay

TT	Số hợp đồng/ khế ước vay	Ngày phát sinh	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay (%/năm)	Dư nợ vay dài hạn tại 31/12/2010		Nợ đến hạn trả năm 2011	
					USD	VND	USD	VND
I	Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vinh				73.100,00	0	26.900,00	0
2	523/09/NHNT	10/06/2009	10/06/2014	4,00%	60.100,00		21.700,00	
3	658/09/NHNT	10/06/2009	10/06/2014	4,00%	13.000,00		5.200,00	
II	Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Vinh				37.600,00	1.722.619.000	10.800,00	845.200.000
1	LD0931500173	11/11/2009	11/11/2013	10,50%		891.000.000		448.000.000
2	LD0932300295	19/11/2009	19/11/2013	10,50%		241.079.000		120.800.000
3	LD0934100301	07/12/2009	07/12/2013	12,00%		278.370.000		138.000.000
4	LĐ1002100174	20/01/2010	20/01/2014	12,00%		312.170.000		138.400.000
5	LĐ1011800293	28/04/2010	28/04/2014	8,30%	26.800,00	0	10.800,00	
	Tổng cộng				99.900,00	1.722.619.000	37.700,00	845.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22- Nguồn vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2009	18.983.640.000	0	0	1.164.760.319	1.302.561.896	1.592.511.657	23.043.473.872
Lãi trong năm trước	0	0	0	0	0	17.226.853.424	17.226.853.424
Tăng khác	0	0	45.525.671	0	0	0	45.525.671
Phân phối lợi nhuận	0	0	0	354.642.829	394.047.588	(3.490.875.657)	(2.742.185.240)
Giảm khác	0	0	(45.525.671)	0	0	0	(45.525.671)
Tại ngày 01/01/2010	18.983.640.000	0	0	1.519.403.148	1.696.609.484	15.328.489.424	37.528.142.056
Tăng vốn trong kỳ (*)	11.016.250.000	1.524.540.000	0	8.729.852.263	1.721.688.626	0	22.992.330.889
Lãi trong kỳ	0	0	0	0	0	12.869.448.984	12.869.448.984
Tăng khác	0	0	386.017.151	0	0	0	386.017.151
Giảm vốn trong kỳ(**)	0	0	0	(9.491.710.000)	0	(15.318.522.259)	(24.810.232.259)
Giảm khác	0	(74.545.455)	(386.017.151)	0	0	0	(460.562.606)
Tại ngày 31/12/2010	29.999.890.000	1.449.994.545	0	757.545.411	3.418.298.110	12.879.416.149	48.505.144.215

(*) Chi tiết tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu trong kỳ:

TT	Nội dung	Giá trị
1	Số dư đầu kỳ (01/01/2010)	18.983.640.000
2	Vốn tăng trong kỳ	11.016.250.000
	Tăng từ Quỹ đầu tư phát triển (thưởng cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 2:1)	9.491.710.000
	Phát hành bán cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 100:8)	1.524.540.000
3	Số dư cuối kỳ (31/12/2010)	29.999.890.000

() Chi tiết phân phối lợi nhuận năm 2009 trong năm 2010:**

TT	Nội dung	Giá trị
1	Trích lập Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận sau thuế năm 2009	1.721.688.626
2	Trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2009	8.729.852.263
3	Trích lập Quỹ khen thưởng từ lợi nhuận sau thuế năm 2009	2.668.617.370
4	Chi thưởng ban quản lý điều hành	300.000.000
5	Trả cổ tức năm 2009 cho cổ đông	1.898.364.000
	Tổng	15.318.522.259

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2010 Đồng	01/01/2010 Đồng
Vốn góp của Công ty Hợp tác Kinh tế - Quân khu 4	15.287.730.000	9.675.780.000
Vốn góp của các đối tượng khác	14.712.160.000	9.307.860.000
Cộng	29.999.890.000	18.983.640.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	Năm 2010	Năm 2009
	Đồng	Đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	18.983.640.000	18.983.640.000
+ Vốn góp tăng trong năm	11.016.250.000	0
+ Vốn góp giảm trong năm	0	0
+ Vốn góp cuối năm	29.999.890.000	18.983.640.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	1.898.364.000	1.898.364.000
<i>Năm nay</i>	<i>0</i>	<i>1.898.364.000</i>
<i>Năm trước</i>	<i>1.898.364.000</i>	<i>0</i>

đ. Cổ phiếu

	31/12/2010	01/01/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.999.989	1.898.364
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.999.989	1.898.364
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.999.989</i>	<i>1.898.364</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.999.989	1.898.364
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.999.989</i>	<i>1.898.364</i>
(*) <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	<i>10.000 đồng/cổ phiếu.</i>	

e- Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2010	01/01/2010
	Đồng	Đồng
Quỹ đầu tư phát triển	757.545.411	1.519.403.148
Quỹ dự phòng tài chính	3.418.298.110	1.696.609.484
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.766.983.052	249.370.182

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại đã xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra các tổn thất và của các tổ chức Bảo hiểm.

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2010	Năm 2009
	Đồng	Đồng
25- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	310.153.800.037	272.316.904.650
Doanh thu bán hàng hóa	310.074.586.837	272.316.904.650
Doanh thu cung cấp dịch vụ	79.213.200	0
26- Các khoản giảm trừ doanh thu	8.000.000	366.678.874
Giảm giá hàng bán	8.000.000	0
Hàng bán bị trả lại	0	366.678.874

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
 Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính
 kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Năm 2010	Năm 2009
	Đồng	Đồng
27- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	310.145.800.037	271.950.225.776
Doanh thu thuần trao đổi, sản phẩm hàng hóa	310.066.586.837	271.950.225.776
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	79.213.200	0
28- Giá vốn hàng bán		
	Năm 2010	Năm 2009
	Đồng	Đồng
Giá vốn của hàng hóa đã bán	268.453.325.309	227.593.963.309
Cộng	268.453.325.309	227.593.963.309
29- Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm 2010	Năm 2009
	Đồng	Đồng
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	51.287.026	29.135.414
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	266.779.803	70.837.845
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	40.003.119	13.289.554
Cộng	358.069.948	113.262.813
30- Chi phí hoạt động tài chính		
	Năm 2010	Năm 2009
	Đồng	Đồng
Chi phí lãi tiền vay	6.929.991.158	2.412.630.209
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.803.100.478	2.158.315.298
Chi phí tài chính khác	140.700.680	120.573.799
Cộng	8.873.792.316	4.691.519.306
31- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Năm 2010	Năm 2009
	Đồng	Đồng
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.372.069.941	6.141.262.945
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	0	0
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.372.069.941	6.141.262.945
33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Năm 2010	Năm 2009
	Đồng	Đồng
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	225.865.110.960	192.354.347.008
Chi phí nhân công	18.965.779.270	14.411.746.755
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.714.332.652	6.954.511.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.956.167.502	6.318.631.465
Chi phí khác bằng tiền	2.208.564.221	343.271.424
Cộng	269.709.954.605	220.382.508.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2010	Năm 2009
	Đồng	Đồng
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.869.448.984	17.226.853.424
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.869.448.984	17.226.853.424
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.086.325	1.898.364
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.168,48	9.074,58

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1- Điều chỉnh hồi tố những sai sót trọng yếu phát sinh của các niên độ kế toán trước:****1.1-Bản chất sai sót thuộc các niên độ kế toán trước:**

Công ty thực hiện xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp mà không thực hiện theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”.

Kết quả cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Số điều chỉnh năm 2010	Số điều chỉnh năm 2009
1	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	(13.289.554)
2	Lợi nhuận chưa phân phối	(9.967.165)	9.967.165
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	(3.322.389)	3.322.389
4	Doanh thu hoạt động tài chính		13.289.554
5	Chi phí hoạt động tài chính	13.289.554	
6	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(3.322.389)	3.322.389

1.2-Tổng hợp ảnh hưởng của các sai sót đến Báo cáo tài chính các năm trước:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Khoản mục báo cáo	Ảnh hưởng của sai sót đến	
		Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009
1	Doanh thu hoạt động tài chính tăng (giảm)		13.289.554
2	Chi phí hoạt động tài chính tăng (giảm)	13.289.554	
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng (giảm)	(13.289.554)	13.289.554
4	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tăng (giảm)	(3.322.389)	3.322.389
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng (giảm)	(9.967.165)	9.967.165
TT	Khoản mục báo cáo	Ảnh hưởng của sai sót đến	
		Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010	Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009
1	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng (giảm)	(3.322.389)	3.322.389
2	Chênh lệch tỷ giá hối đoái tăng (giảm)	0	(13.289.554)
3	Lợi nhuận chưa phân phối tăng (giảm)	(9.967.165)	9.967.165

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.3-Số liệu báo cáo trước và sau điều chỉnh hồi tố:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Năm 2010		Năm 2009	
		Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh
1	Doanh thu hoạt động tài chính	358.069.948	358.069.948	99.973.259	113.262.813
2	Chi phí hoạt động tài chính	8.860.502.762	8.873.792.316	4.691.519.306	4.691.519.306
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.254.808.479	17.241.518.925	23.354.826.815	23.368.116.369
4	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.375.392.330	4.372.069.941	6.137.940.556	6.141.262.945
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.879.416.149	12.869.448.984	17.216.886.259	17.226.853.424
TT	Bảng cân đối kế toán	Tại ngày 31/12/2010		Tại ngày 31/12/2009	
		Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh
1	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.458.552.969	2.461.875.358	3.725.809.490	3.729.131.879
2	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0	13.289.554	0
3	Lợi nhuận chưa phân phối	12.869.448.984	12.879.416.149	15.318.522.259	15.328.489.424

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2010.

3- Thông tin về các bên liên quan**❖ Thông tin chung về các bên liên quan****▪ Công ty mẹ**

- Tên công ty: Công ty Hợp tác Kinh tế - Quân khu 4
- Trụ sở chính: 187 Đường Nguyễn Du, TT. Hòa Bình, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

▪ Các công ty con**1. Công ty TNHH một thành viên xi măng Thanh Sơn**

- Tên công ty: Công ty TNHH một thành viên xi măng Thanh Sơn
- Trụ sở chính: Xã Hội Sơn - Huyện Anh Sơn - Tỉnh Nghệ An

2. Công ty Cổ phần Công nghiệp cao su COECO**❖ Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

STT	Khoản mục	Số đầu năm	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số cuối năm
Công ty TNHH một thành viên xi măng thanh sơn					
1	Phải thu từ bán hàng	312.393.794	4.771.464.610	4.350.000.000	733.858.404
2	Doanh thu bán hàng		4.337.695.100		

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA - BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Tel: 038 3855 524 Fax: 038 3856 007

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

STT	Khoản mục	Số đầu năm	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số cuối năm
Công ty Cổ phần Công nghiệp cao su COECO					
1	Phải thu từ bán hàng	2.652.188	348.677.000	351.329.188	0
2	Doanh thu bán hàng		316.979.091		

5- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh lấy từ Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Nhựa - Bao bì Vinh đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội, có điều chỉnh áp dụng hồi tố và phân loại lại theo Chuẩn mực kế toán số 29 “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót” (Ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) và theo hướng dẫn tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính cho phù hợp với cách trình bày Báo cáo tài chính năm 2010.

6- Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Thành phố Vinh, ngày 20 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thị Hồng Thái

Nguyễn Xuân Hải